

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1968; thường trú: Số 6/24A khu phố B Đ 1, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966; thường trú: Số 6/24A khu phố B Đ 1, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Những người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Trà V, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 500/4 khu phố B Đ 1, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn Th sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến hành kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng

ký kết hôn tại UBND xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 02 cấp ngày 15/12/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình. Đầu năm 2018, đến năm 2002 vợ chồng vào miền Nam sinh sống. Năm 2002, vợ chồng chuyển về sinh sống tại số 6/24A khu phố B Đ 1, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Th có quan hệ với người phụ nữ khác, không chí thú làm ăn. Nay bà Th xác định tình cảm không còn với chồng nên bà Th được yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Thanh X, sinh ngày 09/8/1995 và Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 02/02/2001. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Th:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 26/11/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/12/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 29/01/2021 và 25/02/2021 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Th và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th do Tòa án tiến hành ngày 26/11/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Bà Th và ông Th trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án bà Th không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Người làm chứng chị Nguyễn Thị Trà V trình bày:* Chị V là con ruột của bà Th và ông Th, chị V xác nhận cha mẹ chị thường cãi vã, cha chị có người phụ nữ khác nên đồng tình với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn Th tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh X, sinh ngày 09/8/1995 và Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 02/02/2001, hiện các con đã trưởng thành. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 29/01/2021 và ngày 25/02/2021 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng, tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 02 cấp ngày 15/12/1993 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Bà Th xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Th có quan hệ với người phụ nữ khác, không chí thú làm ăn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Th. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Th đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, ông Th cũng không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, ông Th cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa ông với bà Th vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà Th và ông Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Phạm Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thanh X, sinh ngày 09/8/1995 và Nguyễn Thị Trà V, sinh ngày 02/02/2001. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/1993).

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0048800 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

